

BÁO CÁO

Thực hiện chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An từ 2016 đến nay trên địa bàn huyện Kỳ Sơn

Thực hiện Kế hoạch số 205/KH-HĐND.BDT ngày 22/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thực hiện chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An từ 2016 đến nay (30/6/2021), UBND huyện Kỳ Sơn báo cáo kết quả triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An từ 2016 đến nay như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG:

Huyện Kỳ Sơn là một trong các huyện nghèo, khó khăn nhất của cả nước, diện tích tự nhiên 209.484 ha, địa hình hiểm trở, đất bằng chỉ chiếm 1%, còn lại là đất đồi núi cao; huyện tiếp giáp với 4 huyện 3 tỉnh của nước bạn Lào với đường biên giới dài 203,4 km, huyện có 21 xã, thị trấn, trong đó có 11 xã biên giới; là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về an ninh, chính trị, kinh tế, văn hóa và đối ngoại của tỉnh Nghệ An là vùng có nhiều tiềm năng thiên nhiên đất, rừng, khoáng sản, tiềm năng thủy điện và du lịch để phát triển kinh tế xã hội, mở rộng sản xuất nông, lâm nghiệp, phát triển cây dược liệu gắn với công nghiệp chế biến trên quy mô lớn. Đặc biệt, Kỳ Sơn là 1 trong 4 huyện miền tây Nghệ An được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển của thế giới.

Dân số toàn huyện: 80.228 người. Trong đó: dân tộc Khơ mú có 28.990 người, chiếm 36,11%; dân tộc Mông có 26.184 người, chiếm 32,61%; dân tộc Thái có 20.663 người, chiếm 25,73%; dân tộc Kinh và Hoa có 4.451 người, chiếm 5,55%. Dân cư sống rải rác, không tập trung; khoảng cách giữa các bản xa xôi cách trở; giao thông đi lại khó khăn; đời sống nhân dân còn nghèo và lạc hậu.

1. Thuận lợi:

Là một huyện miền núi, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, với tiểu vùng khí hậu, thổ nhưỡng đặc thù, địa bàn huyện Kỳ Sơn rất phù hợp để phát triển các loại cây, con đặc sản, nhất là dược liệu. Thực tế, hiện nay tại các xã Na Ngoi, Mường Lống với sự quan tâm của ngành Khoa học và Công nghệ tỉnh, doanh nghiệp và địa phương, mô hình các loại cây dược liệu tiếp tục được mở rộng diện tích, nhân rộng ra để các hộ dân tham gia.

Kỳ Sơn cũng có lợi thế nhất định trong phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch với cửa khẩu Nậm Cắn và quốc lộ 7A - một đầu mối giao thông quan trọng kết nối các huyện Tây Nam Nghệ An với một số tỉnh nước bạn Lào, sẽ là địa chỉ thu hút đầu tư, thu hút du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng nếu biết khai thác tốt.

Các cấp ủy chính quyền từ huyện đến cơ sở luôn quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ cho việc phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. Khó khăn:

Đặc thù thổ nhưỡng của huyện chủ yếu là đất đồi núi dốc không thuận lợi cho việc canh tác và phát triển nông nghiệp, thời tiết khắc nghiệt chia làm 2 mùa rõ rệt ảnh hưởng lớn đến công tác chăn nuôi, sản xuất cây trồng.

Việc đầu tư cho các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất dẫn đến một số công trình ngày càng xuống cấp. Bên cạnh đó công tác nạo vét kênh mương nội đồng, khơi thông dòng chảy ở nhiều xã thực hiện chưa tốt, dẫn đến gây khó khăn cho việc sản xuất.

Trình độ dân trí không đồng đều. Nguồn lao động dồi dào nhưng chủ yếu là lao động phổ thông, lao động có trình độ kỹ thuật và tay nghề qua đào tạo còn ít, nghề nghiệp chủ yếu là sản xuất nông nghiệp.

3. Quan điểm, định hướng phát triển KT-XH:

Trong những năm qua, Kỳ Sơn đã tranh thủ được sự giúp đỡ của Trung ương; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự hợp tác của các Sở, ngành cấp tỉnh, và các nguồn lực đầu tư của nhân dân, kinh tế xã hội Kỳ Sơn đã có bước phát triển khá toàn diện và chuyển dịch đúng hướng, các chỉ tiêu kinh tế xã hội cơ bản đạt các mục tiêu đại hội khóa XXII đề ra. Tổng giá trị sản xuất đến năm 2020 đạt 1.495,452 tỷ đồng, Trong đó: Nông, lâm, thủy sản đạt tăng đạt 428.79 tỷ đồng; Công nghiệp, xây dựng đạt 368,748 tỷ đồng; Thương mại, dịch vụ đạt 698,004 tỷ đồng; Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 23 triệu đồng.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, khảo sát nhu cầu điều kiện kinh tế - xã hội của các địa phương trên địa bàn huyện để đề xuất các mô hình ứng dụng phù hợp với thực tế có khả năng nhân rộng đưa khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực quan trọng nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Khuyến khích nghiên cứu, xây dựng các dự án, mô hình thiết thực phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, quốc phòng, các đề tài khoa học xã hội và nhân văn ... Hàng năm phấn đấu 1-2 dự án, mô hình thử nghiệm, ứng dụng vào sản xuất, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Phát huy những bài học kinh nghiệm của các đề tài, dự án đã thực hiện trong những năm qua, để lựa chọn các đề tài, dự án, mô hình và các giải pháp phù hợp triển khai trong thời gian tới.

B- TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

I. Công tác tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện:

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay các cấp ủy, Đảng luôn quan tâm sâu sắc đến vấn đề phát triển kinh tế - xã hội các xã trên địa bàn huyện. Sau khi ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025, các cấp ủy Đảng chính quyền đã tổ chức quán triệt, phổ biến cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân để nhận thức rõ ý nghĩa vai trò, tầm quan trọng của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của ngành, địa phương.

Hội đồng KHCN huyện được thành lập với 9 thành viên, trong đó Chủ tịch Hội đồng KHCN huyện là đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách KHCN, các thành viên là trưởng các phòng, thủ trưởng các đơn vị liên quan; cán bộ chuyên trách là thư ký hội đồng; khi có sự thay đổi các thành viên đều được kiện toàn, bổ sung kịp thời. Hội đồng hoạt động theo quy định tại Quyết định số 5059/QĐ.UBND ngày 28/12/2006 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành "Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh Nghệ An, Hội đồng khoa học và công nghệ các huyện, thành phố Vinh và thị xã".

Trong giai đoạn 2016-2020, Hội đồng KHCN huyện Kỳ Sơn đã tổ chức nhiều cuộc họp Hội đồng để tư vấn, tham mưu cho UBND huyện về các giải pháp thực hiện kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm; ứng dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất và quản lý nhà nước nhằm thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

UBND huyện Kỳ Sơn đã ban hành quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 29/07/2017 về việc ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020, định hướng 2025 trên địa bàn huyện Kỳ Sơn.

Ban hành quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 18/07/2016 về việc Phê duyệt Đề án Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội huyện Kỳ Sơn giai đoạn 2016-2020.

Ban hành quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 29/07/2017 về việc Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020, định hướng 2025 trên địa bàn huyện Kỳ Sơn.

Ban hành quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 07/5/ 2018 về việc Thành lập ban chỉ đạo thực hiện dự án Khoa học công nghệ "Xây dựng chỉ dẫn địa lí cho sản phẩm gừng Kỳ Sơn".

Ban hành quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 về việc Phê duyệt thuyết minh dự án Khoa học công nghệ “Xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm gừng Kỳ Sơn” và giao cơ quan chủ trì thực hiện dự án.

Thực hiện thành công việc xây dựng xác lập chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm gừng Kỳ Sơn (Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chỉ dẫn địa lý số 00077 theo Quyết định số 5587/QĐ-SHTT ngày 15/11/2019).

II. Kết quả thực hiện:

1. Tình hình thực hiện các mô hình, đề tài, dự án sử dụng nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và các nguồn khác:

TT	Tên mô hình	Đơn vị thực hiện	Địa điểm triển khai	Nguồn kinh phí	Tổng KP hỗ trợ (triệu đồng)
I	Năm 2016				1.066.695
1	Mh nuôi gà sinh sản	Trạm Khuyến nông	Mỹ Lý	TTKN tỉnh	140.225
2	MH nuôi gà thịt	Trạm Khuyến nông	Hữu Kiệm	TTKN tỉnh	110.275
3	Mh nuôi lợn thịt	Trạm Khuyến nông	Chiều Lưu	TTKN tỉnh	204.525
4	MH trồng chè Shan	Trạm Khuyến nông	Huổi Tụ	TTKN tỉnh	166.61
5	Mh trồng bí xanh	Trạm Khuyến nông	Phà Đánh	TTKN tỉnh	70.5
6	NH trồng rau an toàn	Trạm Khuyến nông	Hữu Kiệm	TTKN tỉnh	133.56
7	MH trồng chanh leo	Trạm Khuyến nông	Mường Lống	TTKN tỉnh	190.45
8	MH trồng cỏ, chế biến thức ăn gia súc	Trạm Khuyến nông	Mường Ải	KHCN	50.55
II	Năm 2017				1.848.689
1	MH trồng lúa J02	Trạm Khuyến nông	Hữu Kiệm	TTKN tỉnh	46.2
2	MH trồng lúa J02	Trạm Khuyến nông	Hữu Kiệm	KHCN	46.515
3	MH nuôi dê thịt	Trạm Khuyến nông	Mương Ải	KHCN	64.958
4	Dự án: Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây sâm Puxailaileng (Panax sp.) và cây hà	Công ty Cổ phần Dược liệu Mường Lống	Mường Lống	KHCN	741.774 (KP KHCN 519.242;

	thủ ô đò (Fallopian multifora (thumb.) haraldson) trên vùng cao tỉnh Nghệ An				Đv thực hiện 222.532)
5	Dự án: Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình trồng thâm canh Khoai sọ trên địa bàn huyện Kỳ Sơn	Công ty Cổ phần Dược liệu Mường Lống	Mường Lống	KHCN	949.242 (KP KHCN 664.469; Đv thực hiện 284.773)
III	Năm 2018				3.881.203
1	Mô hình trồng thâm canh giống lúa nếp N97	Trạm Khuyến nông	Phà Đánh	TTKN tỉnh	52.4
2	Mô hình nhân rộng chăn nuôi dê thương phẩm	Trạm Khuyến nông	Mường Ải	KHCN	104.94
3	MH trồng mật tam hoa	Trạm Khuyến nông	Huồi Tụ, Mường Lống	NS huyện	250.0
4	MH chăn nuôi bò được lai sind lấy thịt	Trạm Khuyến nông	Chiều Lưu; Tà Cạ; Hữu Lập	NS huyện	420.0
5	Dự án "Xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm gừng Kỳ Sơn"	Trạm Khuyến nông	15 xã trong huyện	KHCN	841.0
6	Dự án: Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình sản xuất và chế biến Giảo cổ lam, Hoài sơn và mướp đắng rừng (khổ qua) theo hướng sản xuất hàng hóa trên địa bàn huyện Kỳ Sơn	HTX dịch vụ nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Hương Sơn	Huồi Tụ	KHCN	2.212.863 (KP KHCN 1.327.164; Đv thực hiện 885.699)
IV	Năm 2019				1.807.012
1	MH trồng lúa nếp DT52	Trạm Khuyến nông	Na Loi	TTKN tỉnh	142.24
2	MH trồng gừng trâu ruột vàng	Trạm Khuyến nông	Na Ngoi	TTKN tỉnh	65.4
3	MH trồng khoai sọ	Trạm Khuyến nông	Huồi Tụ	TTKN tỉnh	51.8
4	MH trồng dâu nuôi tằm	Trạm Khuyến nông	Phà Đánh	KHCN	101.964



5	Ứng dụng tiến bộ KHCN xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm một số giống cây ăn quả ôn đới nhập nội (lê, đào, dâu tây) tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Hợp tác xã Bảo tồn và Phát triển cây đào Mường Lống	Mường Lống	KHCN	1.445.608 (KP KHCN 894.848; Đv thực hiện 550.760)
V	Năm 2020				2.429.499
1	MH trồng gừng trâu ruột vàng gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm mang CDDL “Kỳ Sơn”	Trạm Khuyến nông	Huổi Tụ	KHCN	113.154
2	MH trồng lúa nếp DT52	Trạm Khuyến nông	Chiêu Lưu	NS huyện	150.400
3	MH nuôi dúi sinh sản	Trạm Khuyến nông	Tà Cạ	TTKN tỉnh	66.400
4	MH nuôi cá rô phi thương phẩm trong ao đất	Trạm Khuyến nông	Hữu Kiệm	TTKN tỉnh	68.500
5	Dự án: Ứng dụng tiến bộ KHCN xây dựng mô hình trồng và sơ chế cây Đương Quy nhật Bản và Đan Sâm theo hướng GACP – WHO trên địa bàn huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Công ty Cổ phần Nông Dược Nghệ An	Na Ngoi	KHCN	2.031.045 (KP KHCN 1.117.130; Đv thực hiện 913.915)
	Tổng kinh phí:				11.033.098
<p>Tổng kinh phí đã triển khai thực hiện chương trình KHCN giai đoạn 2016-2020 là: 11.033 triệu đồng. Trong đó nguồn KHCN để triển khai các Dự án KHCN là: 8.230 triệu đồng; để triển khai các Mô hình ứng dụng là: 540 triệu. Nguồn ngân sách huyện: 820 triệu. Các nguồn khác là: 1.443 triệu đồng</p>					

2. Kết quả triển khai một số giải pháp chủ yếu:

2.1. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, nâng cao nhận thức, tạo chuyển biến về hành động đối với khoa học và công nghệ của cấp ủy, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội:

- Trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền từ huyện đến xã thường xuyên quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo về lĩnh vực khoa học và công nghệ. Xây dựng và đưa các nội dung, chỉ tiêu cụ thể về khoa học và công nghệ vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương, đơn vị. Chú trọng thực hiện công tác nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức và nhân dân về tầm quan trọng của hoạt động khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ được chú trọng, Hội đồng Khoa học công nghệ huyện được củng cố, kiện toàn từng bước đi vào hoạt động đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Việc chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào đời sống amgn lại hiệu quả từng bước nâng trình độ công nghệ trong một số ngành sản xuất, kinh doanh, quản lý. Quan tâm chỉ đạo nghiên cứu lĩnh vực khoa học - xã hội và nhân văn nhằm bảo vệ và phát triển giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng đời sống văn hóa, văn minh đô thị, văn hóa nông thôn mới, thực hiện chính sách an ninh, xã hội, bảo vệ môi trường, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2. Về tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ:

- Tổng kinh phí quản lý nhà nước từ năm 2016 đến năm 2020 là 1.000 triệu đồng trong đó:

- + Năm 2016 là 200 triệu đồng;
- + Năm 2017 là 200 triệu đồng;
- + Năm 2018 là 200 triệu đồng;
- + Năm 2019 là 200 triệu đồng;
- + Năm 2020 là 200 triệu đồng.

Nguồn kinh phí này được hỗ trợ từ nguồn sự nghiệp KHCN hàng năm của tỉnh do sở KHCN quản lý.

- Kinh phí đầu tư thực hiện các đề tài, dự án, mô hình KHCN trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020:

Tổng kinh phí đầu tư từ năm 2016-2020 thực hiện 06 dự án, KHCN trên địa bàn là 8.230 triệu đồng.

Trong đó: Ngân sách KHCN tỉnh cấp là: 5.320 triệu đồng; Ngân sách từ các doanh nghiệp: 2.910 triệu đồng.

- Kinh phí từ nguồn ngân sách huyện: 840 triệu

- Kinh phí xây dựng mô hình từ các nguồn khác trên bàn huyện là: 1.443 triệu đồng.

2.3. Cơ chế chính sách phát triển khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực:

Hàng năm Hội đồng khoa học và công nghệ huyện phối hợp chặt chẽ với các sở ngành cấp tỉnh và các địa phương tổ chức các lớp tập huấn, thực hiện xây dựng các mô hình sản xuất trên các lĩnh vực nhằm mục tiêu làm chuyển biến, nâng

cao nhận thức của người dân về lợi ích việc áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất và đời sống, về chủ trương chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cây ăn quả, cây dược liệu ... theo hướng tăng năng suất, chất lượng hiệu quả, bền vững và thân thiện với môi trường.

Kết quả bước đầu cho thấy người sản xuất đã dần thay đổi tập quán canh tác cũ, biết áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, quản lý và một số mô hình mang lại hiệu quả thiết thực như: mô hình cây chè Tuyết Shan ở Huồi Tụ từ mô hình của Tổng đội thanh niên xung phong nay đã được nhân dân trồng đồng loạt theo hướng chuyên canh sản xuất hàng hóa; Mô hình trồng Gừng trâu ruột vàng tại xã Huồi Tụ; mô hình trồng dâu tại xã Phả Đánh; mô hình trồng chanh leo tại xã Mường Lông; mô hình trồng lúa Japonica (J02) tại xã Hữu Kiệm; mô hình trồng lúa nếp DT52 tại xã Na Loi.

2.4. Nâng cao chất lượng tổ chức và nguồn nhân lực khoa học và công nghệ:

Việc đầu tư, phát triển khoa học và công nghệ được quan tâm thực hiện. Để khuyến khích người dân từng bước ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, nhân rộng các mô hình hiệu quả, hàng năm Hội đồng khoa học và công nghệ huyện giao cho đơn vị thực hiện mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tổ chức tập huấn hướng dẫn tập huấn cho người dân ngay tại địa điểm triển khai, các hợp tác xã, doanh nghiệp đứng ra ký cam kết bao tiêu sản phẩm đảm bảo nguồn ra để người dân yên tâm sản xuất mang lại hiệu quả và nhân rộng mô hình các năm tiếp theo.

Hàng năm Hội đồng khoa học và công nghệ huyện cử cán bộ lãnh đạo, chuyên viên phòng Kinh tế và Hạ tầng tham gia các lớp tập huấn, học hỏi kinh nghiệm về công tác quản lý khoa học và công nghệ do Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Nghệ An tổ chức tại các tỉnh trong nước nhằm nâng cao kiến thức, kinh nghiệm vào công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở cơ sở.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá vai trò của việc áp dụng, sử dụng các kết quả nghiên cứu đối với phát triển kinh tế, xã hội của ngành, địa phương:

Việc áp dụng, sử dụng các kết quả nghiên cứu đã thúc đẩy các hoạt động KH&CN nhằm khai thác được tiềm năng, lợi thế tài nguyên thiên nhiên và môi trường phục vụ hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện, góp phần quan trọng làm nâng cao tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn huyện, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển KTXH nhanh và bền vững, cải thiện môi trường góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện Kỳ Sơn nhiệm kỳ 2015- 2020.

Với những thành công trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất, thâm canh đã nâng cao năng suất các loại giống cây trồng, vật nuôi. Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được cải thiện, ý thức làm giàu trong



đồng bào các dân tộc đã chuyển biến tích cực, công tác xoá đói, giảm nghèo đạt kết quả cao; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đảm bảo, an ninh biên giới được giữ vững, lòng dân yên vui, đồng thuận; quan hệ đối ngoại tiếp tục được củng cố, đã tạo được cơ sở quan trọng cho bước phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Việc tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, quản lý đã mang lại hiệu quả cao từng bước nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của việc áp dụng tiến bộ KHCN trong đời sống, giúp bà con nông dân ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất để tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, mang lại lợi nhuận cao, cải thiện môi trường sinh thái, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm trên 1 đơn vị diện tích canh tác.

2. Hạn chế, yếu kém:

Hoạt động khoa học công nghệ trong những năm qua của huyện Kỳ Sơn chưa thực sự là động lực phát triển kinh tế – xã hội, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất kinh doanh, quản lý còn chậm; việc phát triển các phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo còn hạn chế, chưa thực hiện thí điểm những mô hình dự án áp dụng công nghệ cao và chưa có tính đột phá.

Đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ còn hạn chế, phân tán, nhỏ lẻ chưa tạo ra được các sản phẩm có chất lượng cao, số lượng chưa nhiều để cung cấp cho thị trường.

Việc nhân rộng các dự án, mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ còn yếu.

Các đề tài, dự án có tính cấp thiết trong nông nghiệp, nông thôn như: Dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, vệ sinh an toàn thực phẩm, phát triển công nghiệp chế biến tiêu thụ sản phẩm cho nông dân chưa được nghiên cứu, đầu tư thực hiện.

3. Nguyên nhân:

Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa chủ động xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ cũng như trong ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống. Việc đăng ký thực hiện thử nghiệm các mô hình, dự án mới chưa đa dạng trên tất cả các lĩnh vực mà chủ yếu chỉ tập trung thực hiện các mô hình, dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, dược liệu.

Công tác thông tin, tuyên truyền chưa quan tâm đúng mức, thiếu đồng bộ, phong phú để tạo chuyển biến mạnh mẽ nhận thức trong các tầng lớp nhân dân (nhất là doanh nghiệp) về lợi ích, hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường từ việc ứng dụng các thành tựu tiến bộ khoa học, công nghệ.



Nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của huyện còn ít.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ KH&CN trên địa bàn còn thiếu các đối tác để tiếp nhận đầu tư về KH&CN, vai trò của doanh nghiệp trong việc nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao các tiến bộ KH&CN trên địa bàn chưa có.

Các chính sách đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ chưa được tham mưu, đề xuất kịp thời, do vậy việc khuyến khích doanh nghiệp, nông dân ứng dụng KH&CN còn nhiều hạn chế.

Sự quan tâm đến hoạt động đến hoạt động khoa học và công nghệ của các cấp, các ngành chưa nhiều, chưa thực sự coi khoa học và công nghệ là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

4. Một số bài học kinh nghiệm:

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành và đoàn thể tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp triển khai công tác khoa học và công nghệ ở địa phương, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin, các tiến bộ khoa học và công nghệ đến các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các hợp tác xã và nhân dân, làm cho nhân dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh thấy rõ hiệu quả của việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào trong sản xuất và đời sống.

Trong phát triển khoa học, công nghệ cần có tính mới, đột phá và có khả năng ứng dụng, thực hiện và nhân rộng cao. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, khi xây dựng dự án phải chọn đúng nội dung, mô hình thực hiện để phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chọn địa điểm triển khai dự án phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, có sự phối hợp thực hiện của cấp ủy chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án, giữa cơ quan chủ trì với cơ quan tiếp nhận quy trình và người dân tham gia. Tăng cường sự giám sát, kiểm tra để tăng hiệu quả mà dự án đạt được theo đúng thực tế.

Hội đồng khoa học và công nghệ huyện xây dựng kế hoạch hàng năm, tiến hành sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm đưa ra được các mô hình đạt hiệu quả kinh tế cao, có khả năng ứng dụng mở rộng diện tích, tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp và người dân tìm hiểu, tham gia ứng dụng khoa học và công nghệ.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thị trường nhằm hạn chế các vi phạm của các tổ chức cá nhân, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đặc biệt là các vi phạm về thực phẩm bẩn, thực phẩm mất an toàn. Tổ chức sơ, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, biểu dương khen thưởng kịp thời các điển hình tiên tiến.


Bổ trí kinh phí hỗ trợ cho các lực lượng kiểm tra nhằm khuyến khích, động viên phát huy tích cực trong công tác kiểm tra.

D. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT:


- Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường chỉ đạo các cấp, ngành có liên quan có giải pháp hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh tăng cường đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường.

- Sở Khoa học và công nghệ tỉnh tăng cường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về khoa học và công nghệ cho cán bộ lãnh đạo, chuyên viên phụ trách; tổ chức các lớp tập huấn ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ cho các cơ sở sản xuất, địa phương.

- Sở Khoa học và công nghệ tăng cường tuyên truyền chính sách, pháp luật về đầu tư cho khoa học và công nghệ. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Kỳ Sơn về việc Thực hiện chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An từ 2016 đến nay. 

Nơi nhận:

- Ban dân tộc HĐND tỉnh Nghệ An;
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KT-HT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phó Bá Rê

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Danh sách các huyện theo kế hoạch giám sát của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh
(Kèm theo Báo cáo số: 298/BC-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Kỳ Sơn)

Số TT	Tên đơn vị	Tổng dân số (người)	Dân tộc thiểu số (người)	Tỷ lệ		Chia theo nhóm tỷ lệ DTTS/tổng số dân					
				So với tỉnh	So với huyện	Trên 90%	Từ 70-90%	Từ 50-70%	Từ 30-50%	Từ 10-30%	Dưới 10%
1	Kỳ Sơn	80.228	75.837		94,5%	x					
2	Quế Phong										
3	Tương Dương										
4	Quý Châu										
5	Con Cuông										
6	Quý Hợp										
7	Anh Sơn										
8	Quý Hợp										
9	Tân Kỳ										
10	Thanh Chương										
11	Thị xã Thái Hòa										



PHỤ LỤC BÁO CÁO

Danh mục văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện các chương trình về Khoa học và Công nghệ liên quan trực tiếp đến vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh và cơ sở (2016 đến nay)

(Kèm theo Báo cáo số: 298/BC-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Kỳ Sơn)

TT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
1	QĐ số 448/QĐ-UBND	18/7/2016	Phê duyệt Đề án Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội huyện Kỳ Sơn giai đoạn 2016-2020
2	QĐ số 552/QĐ-UBND	29/07/2017	Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020, định hướng 2025 trên địa bàn huyện Kỳ Sơn
3	QĐ số 668/QĐ-UBND	13/12/2018	Phê duyệt thuyết minh dự án Khoa học công nghệ “Xây dựng chỉ dẫn địa lí cho sản phẩm gừng Kỳ Sơn” và giao cơ quan chủ trì thực hiện dự án
4	QĐ số 215/QĐ-UBND	07/5/2018	Thành lập ban chỉ đạo thực hiện dự án Khoa học công nghệ “Xây dựng chỉ dẫn địa lí cho sản phẩm gừng Kỳ Sơn”
5	QĐ số 875/QĐ-UBND	31/12/2020	Phê duyệt nhiệm vụ hoạt động quản lý Khoa học Công nghệ huyện Kỳ Sơn giai đoạn 2021 - 2025

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Danh sách các mô hình thực hiện ứng dụng chuyển giao tiến bộ Khoa học và Công nghệ tại các địa phương vùng dân tộc thiểu số và miền núi (giai đoạn 2016 - 2020)

(Kèm theo Báo cáo số: 198/BC-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Kỳ Sơn)

TT	Tên mô hình thực hiện ứng dụng chuyển giao	Thực hiện tại địa bàn (vùng/huyện/xã)	Chia theo lĩnh vực		
			Khoa học – Xã hội và nhân văn	Kỹ thuật và công nghệ ứng dụng chuyển giao	Khoa học tự nhiên, y dược, nông nghiệp
I	Năm 2016				
1	MH nuôi gà sinh sản	Mỹ Lý			X
2	MH nuôi gà thịt	Hữu Kiệm			X
3	MH nuôi lợn thịt	Chiêu Lưu			X
4	MH trồng chè Shan	Huổi Tụ			X
5	MH trồng bí xanh	Phá Đánh			X
6	MH trồng rau an toàn	Hữu Kiệm			X
7	MH trồng chanh leo	Mường Lống			X
8	MH trồng cỏ, chế biến thức ăn gia súc	Mường Ái			X
II	Năm 2017				
9	MH trồng lúa J02	Hữu Kiệm			X
10	MH trồng lúa J02	Hữu Kiệm			X



11	MH nuôi dê thịt	Mương Ải				X
III	Năm 2018					
12	Mô hình trồng thâm canh giống lúa nếp N97	Phà Đánh				X
13	Mô hình nhân rộng chăn nuôi dê thương phẩm	Mương Ải				X
14	MH trồng mận tam hoa	Huồi Tụ, Mường Lống				X
15	MH chăn nuôi bò đực lai sind lấy thịt	Chiều Lưu; tà Cạ; Hữu Lập				X
IV	Năm 2019					
16	MH trồng lúa nếp DT52	Na Loi				X
17	MH trồng gừng trâu ruột vàng	Na Ngoi				X
18	MH trồng khoai sọ	Huồi Tụ				X
19	MH trồng dâu nuôi tằm	Phà Đánh				X
V	Năm 2020					
20	MH trồng gừng trâu ruột vàng gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm mang CDĐL "Kỳ Sơn"	Huồi Tụ				X
21	MH trồng lúa nếp DT52	Chiều Lưu				X
22	MH nuôi dúi sinh sản	Tà Cạ				X
23	MH nuôi cá rô phi thương phẩm trong ao đất	Hữu Kiệm				X